

Bản án số: 45/2023/DS-ST

Ngày 03 - 8 - 2023

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Trung Nam

Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Vui - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 115/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2023 về việc *“Tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2023/QĐXXST-DS ngày 27/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2023/QĐST-DS ngày 12/7/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Trụ sở: K123 đường N, phường X, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ Phòng Giao dịch N Ngân hàng TMCP S: K123A đường N, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Hạ T - Chuyên viên quan hệ khách hàng Ngân hàng TMCP S Phòng Giao dịch N (Theo Văn bản ủy quyền số 3272/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP S và Giấy ủy quyền ngày 04/4/2023 của Trưởng phòng Phòng Giao dịch N Ngân hàng TMCP S). Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trương Công Đ, sinh năm 1991; nơi cư trú: K123B đường T, phường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ngày 27/12/2017, ông Trương Công Đ có ký với Ngân hàng TMCP S 01 Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân

hàng). Căn cứ thu nhập của ông Đ, Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng 15.000.000đồng với mục đích: tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp tín dụng ông Đ đã thực hiện 30 giao dịch với tổng số tiền là 120.646.205đồng. Lãi suất trong hạn 2,76%/tháng, lãi suất quá hạn 4,14%/tháng (2,76%x150%) và được Ngân hàng S quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay.

Trong quá trình sử dụng thẻ đến nay ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 129.160.000đồng. Đến ngày 30/9/2022 ông Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông Đ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông Đ có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông Đ vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm các Điều khoản và Điều kiện đã qui định tại Hợp đồng. Do đó, Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án buộc ông Trương Công Đ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 02/8/2023 là 19.202.296 đồng (Mười chín triệu, hai trăm lẻ hai ngàn, hai trăm chín mươi sáu đồng) trong đó:

- Dư nợ gốc: 13.737.442 đồng

- Lãi quá hạn: 5.464.854 đồng

Tiền lãi phát sinh từ ngày 03/8/2023 cho đến khi trả hết dư nợ thẻ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký.

* **Bị đơn ông Trương Công Đ** vắng mặt suốt quá trình tố tụng vụ án nên không có bản tự khai.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê:**

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

- Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 280, 351, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trương Công Đ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày 02/8/2023 là 19.202.296 đồng (Mười chín triệu, hai trăm lẻ hai ngàn, hai trăm chín mươi sáu đồng), trong đó: Dư nợ gốc: 13.737.442 đồng, lãi quá hạn: 5.464.854 đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ gốc.

Về án phí: Ông Trương Công Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tổ tụng:

Yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” giữa nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn ông Trương Công Đ, cư trú tại phường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trương Công Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S thì thấy:

Ông Trương Công Đ có ký với Ngân hàng TMCP S 01 Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 27/12/2017 và ông Đ bị ràng buộc bởi bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng 15.000.000đồng với mục đích: tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp tín dụng ông Đ đã thực hiện 30 giao dịch với tổng số tiền là 120.646.205đồng. Lãi suất trong hạn 2,76%/tháng, lãi suất quá hạn 4,14%/tháng (2,76%x150%) và được Ngân hàng S quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay.

Như vậy, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 27/12/2017 được ký kết giữa Ngân hàng S và ông Trương Công Đ thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên; đã tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch có mọi quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ đã thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền 129.160.000đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Do ông Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 30/9/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Vì vậy, căn cứ vào Điều Điều 280, 351, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S; buộc ông Đ phải thanh toán tổng số tiền còn nợ tính đến ngày tính đến ngày 02/8/2023 là 19.202.296 đồng (Mười chín triệu, hai trăm lẻ hai ngàn, hai

trăm chín mươi sáu đồng), trong đó: Dư nợ gốc: 13.737.442 đồng, lãi quá hạn: 5.464.854 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 27/12/2017.

Ông Đ phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi từ ngày 03/8/2023 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng S được chấp nhận nên ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, 351, 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” của Ngân hàng S đối với ông Trương Công Đ.

Buộc ông Trương Công Đ phải thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền tính đến ngày 02/8/2023 là 19.202.296 đồng (Mười chín triệu, hai trăm lẻ hai ngàn, hai trăm chín mươi sáu đồng), trong đó:

- Dư nợ gốc: 13.737.442 đồng
- Lãi quá hạn: 5.464.854 đồng

Ông Trương Công Đ phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 03/8/2023 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 960.000đ (Chín trăm sáu mươi ngàn đồng) ông Trương Công Đ phải chịu.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 426.480 đồng (Bốn trăm hai mươi sáu ngàn, bốn trăm tám mươi đồng) cho Ngân hàng S đã nộp theo biên lai thu

số theo biên lai thu số 0008963 ngày 25/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 03/8/2023; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Diệp